

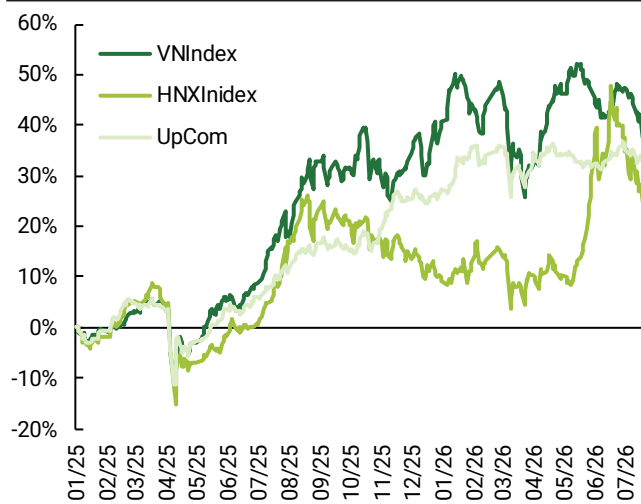
VN-Index **1668.53 (-3.58%)**
993 Tr. cổ phiếu 23572.3 Tỷ VND (0.95%)

HNX-Index **275.49 (-1.87%)**
71 Tr. cổ phiếu 1119.9 Tỷ VND (-8.34%)

UPCOM-Index **124.77 (-0.52%)**
33 Tr. cổ phiếu 388.8 Tỷ VND (-24.09%)

VN30F1M **1837.60 (-2.49%)**
300,815 HD OI: 43,644 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1668.5, giảm -62.0 điểm (-3.58%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Sắc đỏ tiếp tục chi phối vận động thị trường trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị leo thang trở lại. Thêm vào đó, thuế quan toàn cầu 10% của Mỹ sẽ hết hạn trong tuần này cũng khiến tâm lý thị trường thận trọng hơn.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-7.0%), TAL (-7.0%), VHM (-7.0%) | Bán lẻ: PNJ (-7.0%), MWG (-7.0%), FRT (-5.3%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.2%), GEX (-5.9%), GMD (-5.3%) | Ngân hàng: EIB (-6.3%), HDB (-4.3%), CTG (-3.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-5.3%), REE (-3.8%), GEG (-3.7%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VNM, OCB, VVS, FTS, PVT - Chiều giảm | VIC, VHM, VCB, CTG, GAS.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 1900 tỷ đồng, tập trung nhiều ở SSI, VIC, VCB, trong khi mua ròng VNM, HPG, GEE.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền giảm Marubozu và đã không giữ được mốc hỗ trợ 1700 điểm. Dù vậy, các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục vận động trong vùng quá bán, thêm vào đó, thanh khoản phiên nay cũng tăng mạnh cho thấy áp lực bán đang đạt đến trạng thái cao trào. Việc mở rộng thêm nhịp giảm sau khi lùi về dưới ngưỡng 1700 là không cao. Thay vào đó, diễn biến hiện tại có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật quay lại kiểm định mốc tâm lý này. Tuy nhiên, khả năng duy trì nhịp hồi còn phụ thuộc vào lực cầu tại kháng cự.
- Đối với HNX-Index**, sắc đỏ tiếp tục chi phối đẩy chỉ số lùi về quanh mốc hỗ trợ MA100, ứng với ngưỡng 275 điểm. Trạng thái có thể trở lại rung lắc tìm điểm cân bằng. Vùng hỗ trợ thấp hơn quanh khu vực 260 – 265.
- Chiến lược:** Trong bối cảnh dòng tiền phân hóa và áp lực điều chỉnh hiện hữu, nhà đầu tư nên ưu tiên quản trị rủi ro và duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức an toàn, hạn chế sử dụng đòn bẩy cao. Trường hợp đã đưa tài khoản về tỷ lệ phù hợp, nên tiếp tục theo dõi phản ứng của thị trường tại các vùng hỗ trợ, tránh tâm lý quá bi quan cũng như hạn chế hưng phấn trước những nhịp bật tăng mang tính kỹ thuật. Việc bắt đáy sớm sẽ tiềm ẩn rủi ro khi xu hướng điều chỉnh chưa kết thúc.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,668.5 ▼	-3.6%	-6.4%	-10.2%	23,572.3 ▬	0.9%	51.8%	61.1%	992.8 ▲	16.9%	62.7%	91.5%				
HNX-Index	275.5 ▼	-1.9%	-5.4%	-14.2%	1,119.9 ▼	-8.3%	21.2%	48.4%	71.2 ▼	-1.0%	25.0%	85.9%				
UPCOM-Index	124.8 ▼	-0.5%	-1.4%	-2.3%	388.8 ▼	-24.1%	18.8%	-16.1%	33.3 ▲	11.9%	54.6%	31.1%				
VN30	1,826.9 ▼	-2.9%	-4.7%	-7.7%	15,308.2 ▼	-10.3%	77.9%	87.0%	447.7 ▼	-1.6%	81.2%	107.8%				
VNMID	1,841.5 ▼	-2.1%	-7.4%	-14.3%	6,539.6 ▲	29.9%	12.2%	21.2%	378.9 ▲	41.5%	32.5%	57.8%				
VNSML	1,224.5 ▼	-0.9%	-5.1%	-9.1%	898.1 ▲	50.3%	43.6%	59.7%	61.8 ▲	20.2%	4.4%	32.6%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	598.6 ▼	-2.6%	-5.17%	-6.3%	7,383.4 ▼	-36.1%	4.8%	26.0%	325.2 ▼	-11.3%	15.9%	35.3%				
Bất động sản	891.0 ▼	-6.3%	-6.5%	-10.6%	3,981.0 ▲	39.0%	35.1%	26.8%	131.7 ▲	30.4%	18.6%	44.8%				
Dịch vụ tài chính	281.1 ▼	-1.9%	-5.8%	-10.4%	3,099.9 ▲	50.6%	18.2%	14.3%	181.6 ▲	59.3%	27.3%	37.7%				
Công nghiệp	217.5 ▼	-3.4%	-5.2%	-8.6%	1,136.3 ▲	57.0%	32.2%	29.5%	46.1 ▲	50.6%	45.8%	59.8%				
Tài nguyên cơ bản	458.7 ▼	-0.5%	-6.0%	-10.1%	1,019.5 ▲	54.2%	21.8%	68.4%	53.8 ▲	52.2%	19.8%	69.8%				
Xây dựng - Vật Liệu	147.8 ▼	-1.9%	-2.6%	-7.1%	703.3 ▲	53.7%	19.0%	14.5%	38.8 ▲	45.5%	13.0%	21.3%				
Thực phẩm	475.1 ▼	-0.9%	0.2%	2.2%	1,526.6 ▲	37.8%	33.5%	35.4%	33.5 ▲	27.0%	21.1%	35.3%				
Bán Lẻ	1,300.5 ▼	-6.1%	-6.3%	-5.2%	1,411.3 ▲	254.8%	112.0%	155.9%	23.4 ▲	332.8%	129.4%	193.5%				
Công nghệ	352.3 ▼	-0.5%	-3.5%	-8.4%	745.9 ▲	17.0%	14.5%	18.9%	12.7 ▼	-0.1%	10.4%	22.2%				
Hóa chất	147.6 ▼	-1.6%	-8.1%	-16.1%	312.1 ▬	0.5%	4.9%	1.6%	11.8 ▼	-3.7%	3.2%	6.2%				
Tiện ích	659.0 ▼	-3.3%	-8.9%	-11.5%	380.2 ▼	-27.9%	2.6%	-4.3%	14.7 ▼	-12.7%	-3.1%	-21.9%				
Dầu khí	93.0 ▼	-0.6%	-11.2%	-12.3%	292.7 ▼	-50.5%	-24.24%	-49.1%	12.7 ▼	-50.5%	-21.7%	-37.6%				
Dược phẩm	384.1 ▼	-0.6%	-1.2%	-2.7%	27.0 ▼	-68.4%	-49.8%	-29.3%	1.4 ▼	-61.2%	-29.7%	-10.4%				
Bảo hiểm	91.4 ▼	-1.7%	-2.4%	-9.5%	21.3 ▼	-18.0%	-27.8%	-30.1%	0.6 ▼	-2.5%	-25.8%	-19.7%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,668.5 ▼	-3.58%	-6.5%	14.2x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,639 ▼	-0.82%	30.1%	17.4x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,334 ▼	-0.09%	-26.7%	15.2x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,656 ▼	-0.42%	2.9%	15.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,268 ▼	-1.04%	3.6%	9.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,867 ▬	0.07%	-2.6%	19.3x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,893 ▼	-0.95%	-2.9%	13.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	66,116 ▼	-0.18%	31.3%	24.0x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,509 ▬	0.89%	9.7%	27.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,225 ▬	0.74%	8.7%	25.1x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,689 ▬	0.97%	7.6%	15.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,318 ▬	0.52%	9.1%	18.0x	2.5x
DXV		101.2 ▬	0.20%	2.9%		
USDVND		26,315 ▬	0.000%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

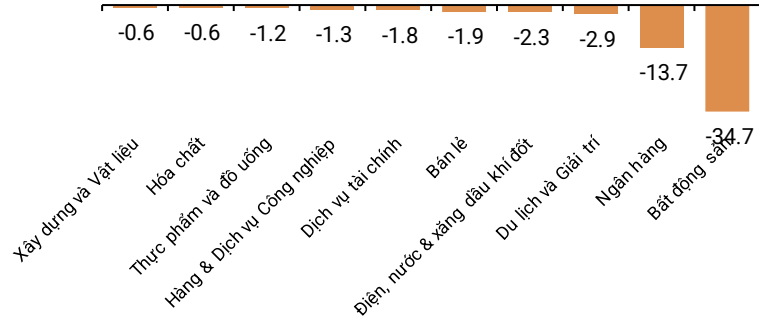
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	3.1%	20.5%	54.2%	36.8%
Dầu WTI	▲	2.7%	16.5%	51.9%	31.7%
Khí gas	▬	0.6%	-11.4%	-21.8%	-11.4%
Than cốc (*)	▼	-2.7%	0.0%	24.3%	50.4%
Thép HRC (*)	▼	0.0%	-1.9%	0.5%	-3.9%
PVC (*)	▼	-0.2%	1.4%	1.2%	-11.8%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-8.3%	-1.0%	-13.3%
Cao su thiên nhiên	▬	0.9%	-3.9%	21.4%	27.5%
Bông Cotton	▬	0.0%	5.0%	22.9%	18.6%
Đường	▼	-0.5%	10.9%	-1.3%	-9.0%
World Container Index	▬	0.0%	14.6%	105.5%	74.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.5%	8.3%	78.6%	160.9%
Vàng	▬	1.00%	-1.7%	-4.7%	20.0%
Bạc	▬	0.99%	-8.8%	-17.1%	51.1%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

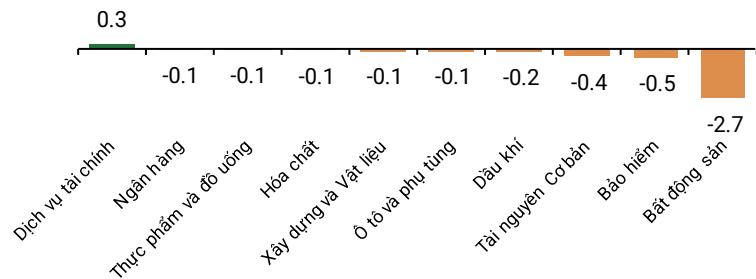
+0.03 (PLX)	-1.20 (TCB)
+0.03 (BHN)	-1.21 (HDB)
+0.03 (TCM)	-1.46 (BID)
+0.03 (PGD)	-1.55 (VPL)
+0.05 (TDM)	-1.65 (MWG)
+0.05 (PVT)	-1.83 (GAS)
+0.06 (FTS)	-1.97 (CTG)
+0.06 (VVS)	-3.88 (VCB)
+0.06 (OCB)	-8.23 (VHM)
+0.31 (VNM)	-24.90 (VIC)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+13 (GEL)	-113 (VIB)
+16 (HCM)	-126 (PNJ)
+16 (TCX)	-135 (EIB)
+16 (CII)	-146 (TPB)
+18 (VSC)	-158 (VPB)
+21 (MBB)	-174 (STB)
+25 (PVT)	-191 (ACB)
+27 (GEE)	-202 (VCB)
+52 (HPG)	-208 (VIC)
+167 (VNM)	-292 (SSI)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



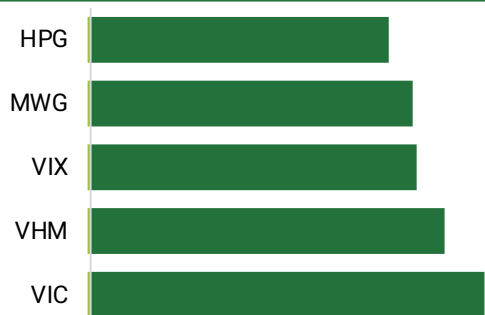
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (LIG)	-0.09 (KSV)
+0.01 (MST)	-0.09 (IDC)
+0.02 (PSI)	-0.09 (PTI)
+0.02 (PHN)	-0.10 (HGM)
+0.03 (HTC)	-0.10 (VIF)
+0.03 (BCF)	-0.13 (HUT)
+0.04 (S55)	-0.18 (PVS)
+0.07 (PGS)	-0.35 (PVI)
+0.12 (MBS)	-0.81 (KSF)
+0.22 (SHS)	-1.73 (THD)

TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.2 (BVS)	-0.1 (NTP)
+0.2 (PSW)	-0.1 (DHT)
+0.2 (LAS)	-0.1 (APS)
+0.7 (KSF)	-0.5 (HUT)
+1.2 (EVS)	-0.5 (MST)
+1.2 (C69)	-0.7 (VFS)
+3.4 (MBS)	-0.9 (VTZ)
+4.3 (PVS)	-2.8 (VC3)
+7.2 (CEO)	-8.3 (IDC)
+16.7 (SHS)	-8.8 (TNG)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	VHM	VIX	MWG	HPG
%DoD	-7.0%	-7.0%	-3.2%	-7.0%	-0.5%
Giá trị	1,193	1,071	988	973	902

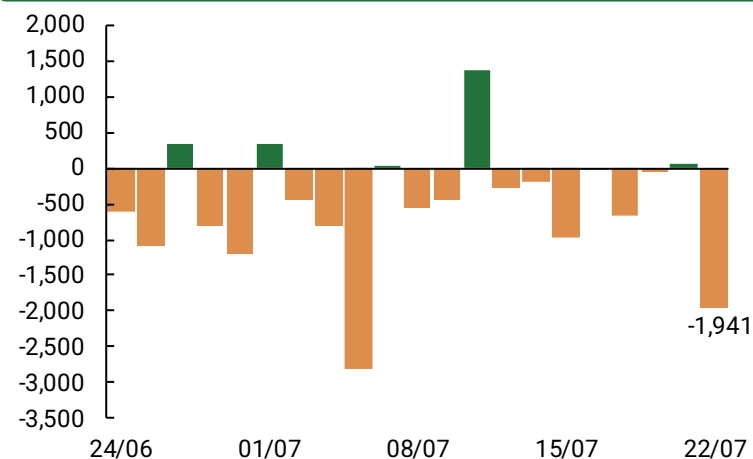
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VPL	PET	TCB	NVL	GEL
%DoD	-5.3%	-0.6%	-2.7%	0.0%	-6.7%
Giá trị	698	221	194	152	139

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



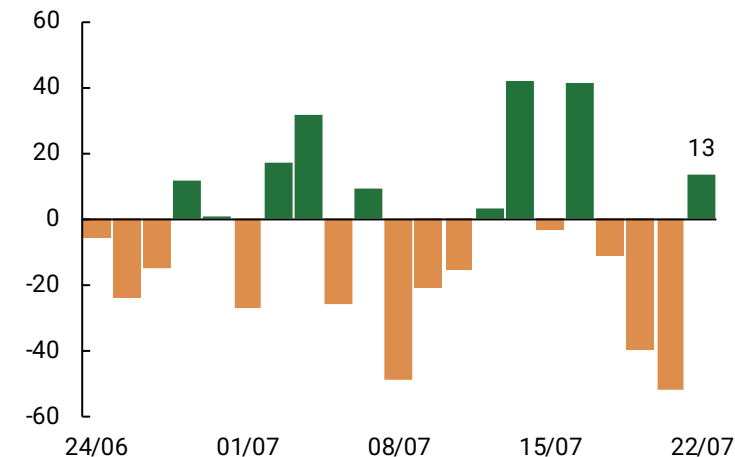
	SHS	MBS	PVS	CEO	IDC
%DoD	2.7%	1.1%	-1.8%	0.0%	-1.1%
Giá trị	249	160	140	97	60

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	TIG	CAR	HTC	GLT
%DoD	-1.3%	0.0%	0.0%	9.1%	0.0%
Giá trị	47	7	4	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 | 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 | 1820.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index tiếp tục phá vỡ mốc hỗ trợ tâm lý 1700 điểm. Dù vậy, chỉ báo RSI của chỉ số và mặt bằng chung cổ phiếu đều đã lùi về mức quá bán, có thể giúp thúc đẩy nhịp hồi kiểm định lại khu vực này. Tuy nhiên, khi xu hướng ngắn hạn đang suy yếu, các nhịp hồi nhiều khả năng chỉ mang tính kỹ thuật. Trong chiều hồi phục, vùng 1760–1780 điểm sẽ đóng vai trò là kháng cự gần. Ngược lại, vùng 1600 điểm là mốc hỗ trợ tiếp theo nếu cung bán vẫn áp đảo.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1960.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục thất thủ trước ngưỡng hỗ trợ 1850 điểm. Dù vậy, chỉ báo RSI đang tiếp cận mức quá bán có thể thúc đẩy nhịp hồi trở lại kiểm định khu vực này. Nếu lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm có thể chi phối về mốc hỗ trợ thấp hơn, quanh vùng tâm lý 1800 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần giờ là ngưỡng 1900 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1837.6, giảm 46.9 điểm (-2.5%). Áp lực điều chỉnh tiếp tục chiếm ưu thế trong giao dịch, đẩy giá lao dốc.
- Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo RSI đang dao động trong vùng quá bán, thêm vào đó, ở khung đồ thị 1 giờ cũng đạt trạng thái này, hàm ý dư địa để mở rộng đà giảm không lớn. Thay vào đó, nhịp hồi kỹ thuật có thể xuất hiện. Tuy nhiên, do áp lực điều chỉnh vẫn mạnh, cần tín hiệu xác nhận trước khi vào lệnh. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1850, có thể gia tăng nếu giá phục hồi trên ngưỡng 1870. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1830.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1758.6, giảm 50.4 điểm (-2.8%). Độ lệch basis 14.7 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 96 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1750 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1780 điểm.

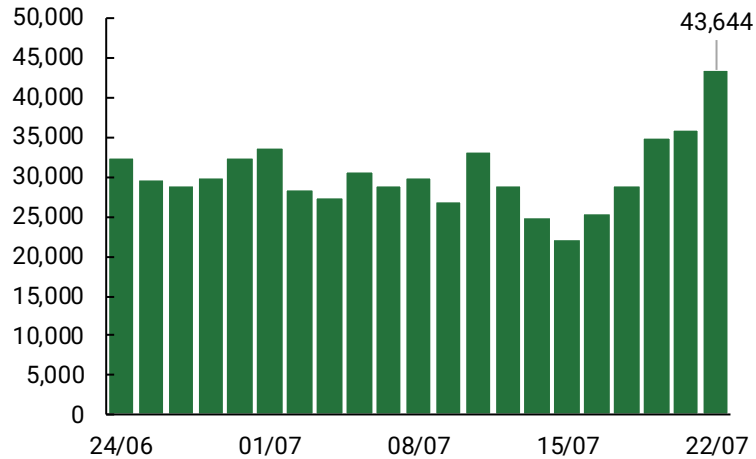
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1850	1864	1840	14 : 10
Long	> 1870	1884	1861	14 : 9
Short	< 1830	1815	1838	15 : 8

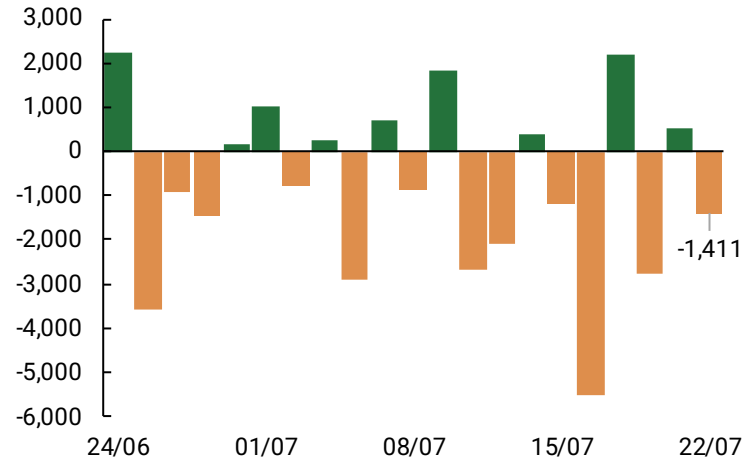
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,848.8	-40.2	29	31	1,845.1	3.7	18/03/2027	239
4111GC000	1,836.0	-44.0	204	865	1,838.1	-2.1	17/12/2026	148
4111G9000	1,838.0	-48.8	512	915	1,831.2	6.8	17/09/2026	57
4111G8000	1,837.6	-46.9	300,815	43,644	1,829.1	8.5	20/08/2026	29
4112G8000	1,758.6	-50.4	96	70	1,746.0	12.6	20/08/2026	29

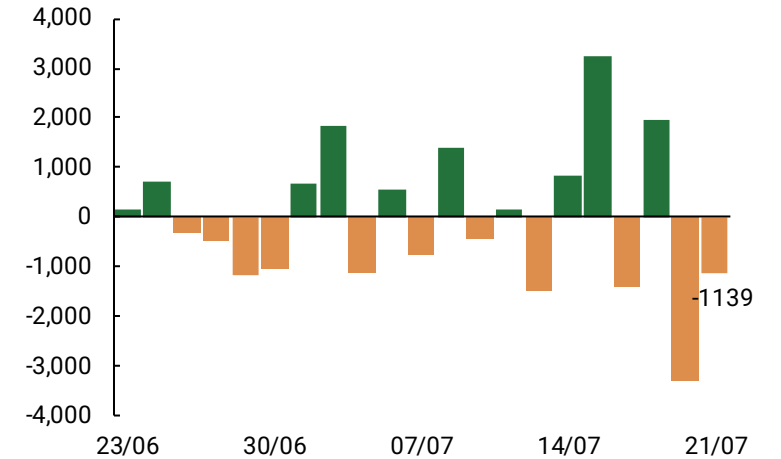
Khối lượng mở (Open interest)



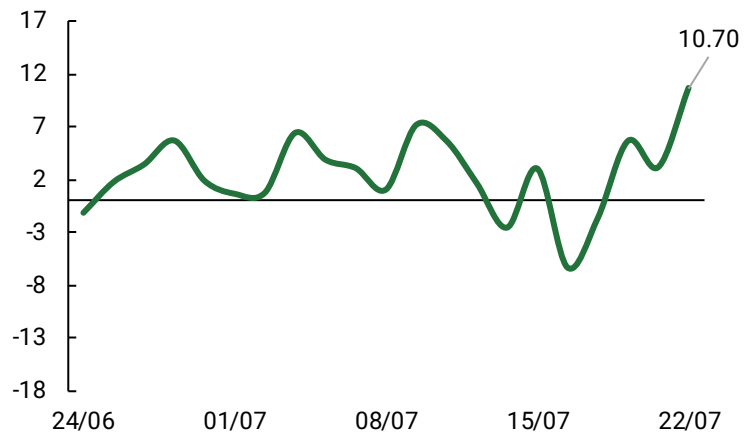
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



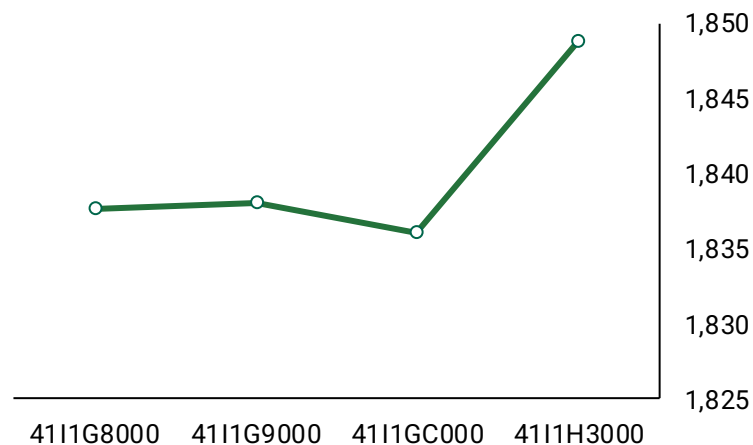
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



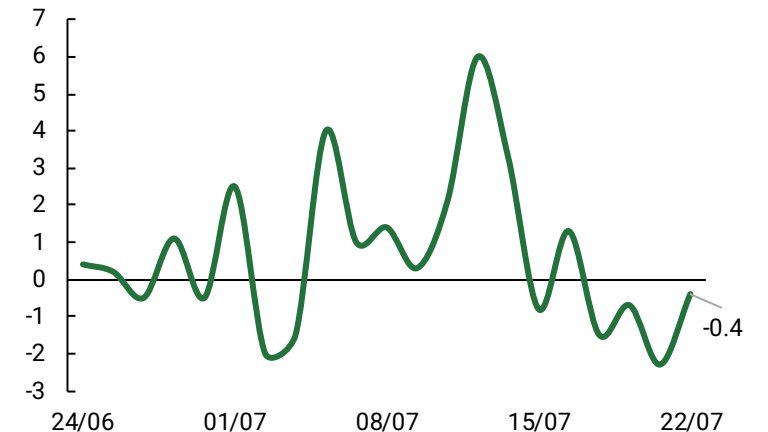
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

Tổng thống Mỹ chuẩn bị áp thuế với hàng chục quốc gia: Theo Financial Times, Tổng thống Trump chuẩn bị áp đặt thuế quan mới lên hàng chục quốc gia trong tuần này, khi mức thuế toàn cầu 10% dự kiến hết hạn vào ngày 24/7. Mức thuế sắp áp dụng được cho là tương đương mức 10% hiện hành, trong khi chính quyền Mỹ cũng đang tiến hành các cuộc điều tra khác để có cơ sở pháp lý đề xuất mức thuế cao hơn. Trước đó, ông Trump công bố mức thuế 50% đối với nhiều mặt hàng nhập khẩu từ Canada, dự kiến có hiệu lực trong 30 ngày tới.

FDI vào Việt Nam tăng mạnh, dẫn đầu bởi Singapore và Hàn Quốc: Theo số liệu của Bộ Tài chính, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đăng ký mới đạt 17.39 tỷ USD, với Singapore và Hàn Quốc chiếm khoảng 73%. Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 7.32 tỷ USD, tăng hơn gấp ba lần so với cùng kỳ, trong khi Hàn Quốc ghi nhận nhiều dự án quy mô lớn trong lĩnh vực điện tử, bán dẫn, năng lượng và đô thị.

Tín dụng TP.HCM tăng 7.45% trong 6 tháng đầu năm 2026: Đến cuối tháng 6/2026, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn TP.HCM đạt 5.63 triệu tỷ đồng, tăng 7% so với cuối năm 2025. Tổng dư nợ tín dụng đạt 5.59 triệu tỷ đồng, tăng 7.45%, trong đó dư nợ bằng VNĐ chiếm 95% và dư nợ ngoại tệ chiếm 5%. Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 1.29 triệu tỷ đồng, cho vay nông nghiệp - nông thôn đạt 604,000 tỷ đồng và cho vay xuất khẩu đạt 303,000 tỷ đồng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

SSI - Báo lãi hơn 3,100 tỷ đồng nửa đầu năm, tăng trưởng 39%: Trong quý II/2026, Chứng khoán SSI đạt doanh thu riêng lẻ 3,312 tỷ đồng, tăng 13% YoY và lợi nhuận trước thuế 1,511 tỷ đồng, tăng 32%. Doanh thu môi giới và tư vấn đạt 490 tỷ đồng, thị phần môi giới 11.17% đứng đầu. Doanh thu cho vay ký quỹ lên 1,092 tỷ đồng (+32%), chiếm 33% tổng doanh thu, còn mảng đầu tư đóng góp 44% với lợi nhuận 564 tỷ đồng (+40%). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, SSI ghi nhận doanh thu 6,652 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 3,122 tỷ đồng, tăng lần lượt 27% và 39% so với cùng kỳ.

ACB - Lãi hơn 10,700 tỷ đồng sau 6 tháng: ACB ghi nhận LNTT hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 đạt hơn 10,700 tỷ đồng. Kết quả này tiếp tục phản ánh nhóm ngân hàng duy trì vai trò dẫn dắt trong mùa công bố BCTC bán niên. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp đã công bố kết quả quý II, khối ngân hàng vẫn là nhóm có số tuyệt đối lợi nhuận nổi bật trên thị trường.

TCB - Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đạt 18,540 tỷ đồng: Techcombank ghi nhận LNTT quý II/2026 đạt 9,670 tỷ đồng, tăng 22% YoY. Lũy kế 6 tháng đầu năm, ngân hàng đạt 18,540 tỷ đồng LNTT, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này giúp TCB tiếp tục nằm trong nhóm ngân hàng có quy mô lợi nhuận cao nhất thị trường.

CTD - Công bố lộ trình nới room ngoại lên 100%: Coteccons công bố lộ trình gồm hai giai đoạn nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài từ 50% lên 100%. Doanh nghiệp dự kiến chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến vào ngày 31/7, thời gian thu thập ý kiến bằng văn bản từ 7/8 đến 17/8. Nội dung lấy ý kiến tập trung vào điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với quy định hiện hành.

- 01/07 Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
- 02/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 03/07 Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
- 09/07 Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 14/07 Mỹ – Chỉ số CPI
Việt Nam – Công bố danh mục VN30
Mỹ – Chỉ số PPI
- 15/07 Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Canada – BOC hợp và công bố lãi suất
- 16/07 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
- 20/07 Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y
Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
- 23/07 EU – ECB công bố lãi suất
- 30/07 Mỹ – FED hợp và công bố lãi suất
Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng hợp)

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	37,900	73,400	93.7%	Mua
CTG	29,700	45,200	52.2%	Mua
CTD	56,000	82,900	48.0%	Mua
DBD	48,900	68,000	39.1%	Mua
DDV	19,269	35,900	86.3%	Mua
DGW	34,400	47,500	38.1%	Mua
DPG	26,850	42,300	57.5%	Mua
DPR	35,900	46,500	29.5%	Mua
DRI	12,470	17,200	37.9%	Mua
EVF	12,200	14,400	18.0%	Tăng tỷ trọng
FRT	105,000	151,000	43.8%	Mua
GMD	72,000	92,700	28.8%	Mua
HAH	44,850	58,300	30.0%	Mua
HDG	16,400	30,900	88.4%	Mua
HHV	9,950	11,700	17.6%	Tăng tỷ trọng
HPG	20,700	30,700	48.3%	Mua
IMP	35,800	54,400	52.0%	Mua
KDH	18,000	38,800	115.6%	Mua
MCH	134,800	177,200	31.5%	Mua
MWG	70,600	115,600	63.7%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	22,350	33,000	47.7%	Mua
NLG	22,650	39,400	74.0%	Mua
NT2	21,200	27,700	30.7%	Mua
PHR	57,800	72,800	26.0%	Mua
PNJ	35,500	75,500	112.7%	Mua
PVS	33,100	39,900	20.5%	Mua
PVT	16,800	18,900	12.5%	Tăng tỷ trọng
POW	13,200	15,000	13.6%	Tăng tỷ trọng
SAB	46,950	57,900	23.3%	Mua
SSI	22,650	32,100	41.7%	Mua
TLG	45,850	50,000	9.1%	Nắm giữ
TCB	29,000	41,700	43.8%	Mua
TCM	17,400	35,300	102.9%	Mua
TRC	74,900	94,800	26.6%	Mua
VCB	54,500	84,200	54.5%	Mua
VPB	25,000	36,500	46.0%	Mua
VCG	15,500	23,300	50.3%	Mua
VHC	53,100	58,000	9.2%	Nắm giữ
VNM	59,100	66,650	12.8%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415